

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

---

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ Phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch
- **Nghành nghề kinh doanh** : Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi, dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ, dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại. Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

Mua bán: hoa, cây cảnh, lương thực, thực phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa. Đồ uống, rượu, bia, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, đồ kim khí, thiết bị văn phòng, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh.

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Sản xuất nước đá, cà phê. Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ tắm hơi, massage. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng.

Hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa. Đại lý và điều hành tua du lịch. Kinh doanh dịch vụ khách sạn. mua bán sách, báo, giấy viết (mua bán sách, tạp chí, bản đồ, báo chí, sách giáo khoa, giấy viết). Nhập khẩu mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu và chăm sóc sắc đẹp cho nam, nữ. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 là kỳ kế toán thuộc năm tài chính thứ nhất của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc;

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

---

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

#### **4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

---

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên tắc đánh giá***

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

#### ***Phương pháp khấu hao áp dụng***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

### **7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

Giá trị lợi thế thương mại khi sáp nhập doanh nghiệp được phân bổ trong vòng 10 năm kể từ thời điểm sáp nhập.

### **10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

### 12. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.2.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

### 15. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty gồm vốn góp của các cổ đông. Quỹ được trích lập và sử dụng theo nghị quyết của hội đồng cổ đông.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>(a) Tiền mặt</b>	<b>662.016.311</b>	<b>337.706.920</b>
Tiền mặt tại VND	662.016.311	337.706.920
<b>(b) Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>337.499.509</b>	<b>371.614.539</b>
Ngân hàng Ngoại Thương	101.116.389	132.110.141
Tiền VND	101.116.389	132.110.141
Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	1.191.561	1.141.561
Tiền VND	1.191.561	1.141.561
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	220.003.090	36.522.483
Tiền VND	220.003.090	36.522.483
Ngân hàng Công Thương	10.093.545	181.728.593
Tiền VND	10.093.545	181.728.593
Ngân hàng Đông Á	1.876.916	1.876.916
Tiền VND	1.876.916	1.876.916
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	3.218.008	18.234.845
Tiền VND	3.218.008	18.234.845
<b>Cộng</b>	<b>999.515.820</b>	<b>709.321.459</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty CP Chương hằng Cường	85.126.173.517	-
Khách hàng siêu Thị	208.155.363	-
Khách hàng Suga	127.076.159	-
Khách hàng bộ phận Taxi	106.574.538	-
Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	385.433.000	212.020.000
Vận tải hành khách Tuy Hòa	277.853.000	-
Vận tải hành khách Sài Gòn	402.526.016	478.271.000
Vận tải hành khách Quy Nhơn	150.262.484	115.038.000
Khách hàng khách sạn	534.691.295	825.306.631
Các khách hàng khác	563.117.376	1.827.137.533
<b>Cộng</b>	<b><u>87.881.862.748</u></b>	<b><u>3.457.773.164</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH MTV Ô tô Chu Lai -Trường Hải	1.225.000.000	-
Công ty TNHH TM SX Sao Nam	742.000.400	742.000.400
Doanh Nghiệp TNTM Bích Thủy	697.862.498	431.252.499
Công ty CP 3.2	413.395.705	210.544.277
Công Ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Hiệu buôn Kiều Nga	277.240.000	255.397.000
DNTN Đắc Tín	234.179.020	234.179.020
Công ty Tân Hiệp Phát	198.700.002	-
Công ty TNHH Đối Tác Việt	189.500.000	-
Công ty TNHH Đô Mi	163.427.000	163.427.000
Công ty TNHH XD &XL điện Thế Minh	145.751.465	-
Công ty TNHH Viễn thông Gia Kỳ	115.217.000	-
CN Báo Kinh Tế Hợp Tác VN	100.000.000	-
CN Công ty Thẩm Định giá Miền Trung tại BĐ	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	443.062.332	2.445.209.245
<b>Cộng</b>	<b><u>5.345.335.422</u></b>	<b><u>4.782.009.441</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

Đền bù đất	4.245.721.642	5.790.552.972
Duyên dáng Việt Nam	10.478.999.340	4.245.721.642
Đường N1 Resort	691.888.000	691.888.000
CN Cty Cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa	442.241.413	442.241.413
Phải thu khác Chi nhánh khách sạn	1.390.212.751	1.418.289.069
Phải thu khách tại chi nhánh Quy Nhơn	91.010.000	-
Phải thu khách tại chi nhánh Sài Gòn	50.525.005	-
Các khoản khác	922.075.777	3.759.287.459
<b>Cộng</b>	<b><u>18.312.673.928</u></b>	<b><u>16.347.980.555</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	644.980.663	3.467.575.468
Công cụ dụng cụ	3.784.094.202	1.114.455.312
Sản phẩm dở dang	4.728.150	4.590.280
Thành phẩm	60.954.562	2.934.512
Hàng hóa	<u>3.031.256.462</u>	<u>8.432.280.399</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.526.014.039</u></b>	<b><u>13.021.835.971</u></b>

### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đầu kỳ		<b>15.989.647.467</b>
Tăng trong kỳ	3.243.871.412	
Kết chuyển chi phí trong kỳ	<u>4.785.210.483</u>	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>14.448.308.396</u></b>	

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

<b>Khoản tạm ứng nhân viên</b>	<b>3.475.196.489</b>	<b>588.244.831</b>
Lê Ngọc Hữu	16.700.000	-
Nguyễn Ngọc Sinh	2.435.000	-
Trần Nguyệt Thương	3.097.580.162	-
Các nhân viên khác	303.172.596	483.865.100
Tạm ứng bộ phận khách sạn	<u>55.308.731</u>	<u>104.379.731</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.475.196.489</u></b>	<b><u>588.244.831</u></b>

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu kỳ	823.097.853.609	6.112.345.655	29.513.108.287	10.466.887.357	17.836.340.164	887.026.535.072
2. Tăng trong kỳ	8.304.857.018	24.090.909	-	91.013.211	395.000.000	8.814.961.138
3. Giảm trong kỳ	4.056.551.074	-	-	-	122.166.136	4.178.717.210
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b><u>827.346.159.553</u></b>	<b><u>6.136.436.564</u></b>	<b><u>29.513.108.287</u></b>	<b><u>10.557.900.568</u></b>	<b><u>18.109.174.028</u></b>	<b><u>891.662.779.000</u></b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu kỳ	20.561.923.126	1.902.742.280	9.824.823.170	1.143.229.546	2.954.915.601	36.387.633.723
2. Tăng trong kỳ	4.044.403.818	152.493.812	504.827.814	279.828.685	629.368.779	5.610.922.908
3. Giảm trong kỳ	147.658.466	-	-	-	-	147.658.466
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b><u>24.458.668.478</u></b>	<b><u>2.055.236.092</u></b>	<b><u>10.329.650.984</u></b>	<b><u>1.423.058.231</u></b>	<b><u>3.584.284.380</u></b>	<b><u>41.850.898.165</u></b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Số đầu kỳ	802.535.930.483	4.209.603.375	19.688.285.117	9.323.657.811	14.881.424.563	850.638.901.349
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b><u>802.887.491.075</u></b>	<b><u>4.081.200.472</u></b>	<b><u>19.183.457.303</u></b>	<b><u>9.134.842.337</u></b>	<b><u>14.524.889.648</u></b>	<b><u>849.811.880.835</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	4.568.106.667	72.603.813.524	7.993.800.245	85.165.720.436
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>4.568.106.667</b>	<b>72.603.813.524</b>	<b>7.993.800.245</b>	<b>85.165.720.436</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	340.780.813	21.286.896.977	1.448.610.005	23.076.287.795
2. Tăng trong kỳ	40.342.407	1.821.513.618	201.974.469	2.063.830.494
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>381.123.220</b>	<b>23.108.410.595</b>	<b>1.650.584.474</b>	<b>25.140.118.289</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Số đầu năm	4.227.325.854	51.316.916.547	6.545.190.240	62.089.432.641
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b>4.186.983.447</b>	<b>49.495.402.929</b>	<b>6.343.215.771</b>	<b>60.025.602.147</b>

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Sân khấu Sao Mai	17.945.602.745	17.553.920.927
Cây xanh công trình land	10.005.562.952	10.005.562.952
Sửa chữa tài sản cố định	27.176.785.678	26.354.782.617
<b>Cộng</b>	<b>55.127.951.375</b>	<b>53.914.266.496</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Đầu năm		<b>162.291.225.372</b>
Tăng trong kỳ	317.794.563	
Kết chuyển chi phí trong kỳ	6.236.164.316	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>156.372.855.619</b>	

**12. Tài sản dài hạn khác**

Khoản quỹ ký cược dài hạn	6.379.789.605	6.379.789.605
<b>Cộng</b>	<b>6.379.789.605</b>	<b>6.379.789.605</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong kỳ</u>	<u>Trả nợ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng BIDV Phú Tài	86.996.000.000	36.002.655.000	54.875.432.000	68.123.223.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	64.850.000.000	42.375.804.625	63.513.235.529	43.712.569.096
Vay cá nhân	2.896.454.288	471.766.129	334.000.000	3.034.220.417
Nợ dài hạn đến hạn trả	219.270.000	-	73.090.000	146.180.000
<b>Cộng</b>	<b>154.961.724.288</b>	<b>78.850.225.754</b>	<b>118.795.757.529</b>	<b>115.016.192.513</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cửa hàng xăng dầu Hiệp Thành Phát	2.142.202.112	3.856.261.368
Dầu Phú thành	1.881.747.110	1.778.927.770
Công ty vật tư tổng hợp Phú yên	1.070.488.467	1.216.163.016
Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	920.000.000	920.000.000
Công ty TNHH XD Thành Sơn	917.026.781	860.326.781
Công ty TM và DVTH Hoà khánh	537.223.802	-
Công ty TNHH CKL Việt Nam	470.165.358	-
Công ty CP PA	421.719.333	-
Công ty Indochina VN	361.347.848	361.347.848
Các Công ty khác	8.113.491.459	18.546.342.646
<b>Cộng</b>	<b><u>16.835.412.270</u></b>	<b><u>27.539.369.429</u></b>

### 15. Người mua trả tiền trước

Vận tải hành khách Sài Gòn	15.259.994	34.555.000
Vận tải hành khách Quy Nhơn	188.381.981	83.528.000
Chi nhánh khách sạn Cendeluxe	160.167.801	62.993.750
Các khách hàng khác	253.559.364	606.744.697
<b>Cộng</b>	<b><u>617.369.140</u></b>	<b><u>787.821.447</u></b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế GTGT	6.890.066.964	2.393.116.082
Thuế thu nhập cá nhân	122.498.944	151.245.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.377.626.832	7.335.356.450
Thuế tiêu thụ đặc biệt	112.207.449	48.049.114
<b>Cộng</b>	<b><u>16.502.400.189</u></b>	<b><u>9.927.767.041</u></b>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất vận tải hành khách : 10%

Dịch vụ ăn uống : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.11)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

### 17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay	37.677.822.041	46.558.731.217
<b>Cộng</b>	<b><u>37.677.822.041</u></b>	<b><u>46.558.731.217</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 18. Phải trả, phải nộp khác

Bảo hiểm xã hội	423.940.008	1.146.945.032
Kinh phí công đoàn	61.184.601	55.928.500
Phải trả tiền làm đường độc lập	1.896.062.065	1.896.062.065
Bà Võ Thị Thanh	117.496.545.258	2.599.815.258
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	9.745.000.000	1.255.000.000
Các khoản khác	2.298.057.096	30.983.986.353
<b>Cộng</b>	<b>131.920.789.028</b>	<b>37.937.737.208</b>

### 19. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả nợ trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	556.642.000.000	-	3.900.000.000	552.742.000.000
Vay ngân hàng Công Thương	7.301.800.000	-	1.903.400.000	5.398.400.000
Nợ thuê tài chính	59.564.185.416	-	2.186.364.480	57.377.820.936
<b>Cộng</b>	<b>623.507.985.416</b>	<b>-</b>	<b>7.989.764.480</b>	<b>615.518.220.936</b>

### 20. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	290.020.000.000	17.249.416	290.037.249.416
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	27.863.143.466	27.863.143.466
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>290.020.000.000</b>	<b>27.880.392.882</b>	<b>317.900.392.882</b>

### (\*) Cổ phiếu

#### Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.020.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.020.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

#### 1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.528.783.601
Doanh thu bất động sản đầu tư	39.700.000.000
Khoản giảm trừ doanh thu	438.331.404
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u><u>101.790.452.197</u></u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.125.600.614
Giá vốn bất động sản đầu tư	3.908.892.608
<b>Cộng</b>	<b><u><u>56.034.493.222</u></u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	9.383.163
Chiết khấu thanh toán	773.636.985
<b>Cộng</b>	<b><u><u>783.020.148</u></u></b>

#### 4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí trả lãi vay	17.689.999.759
<b>Cộng</b>	<b><u><u>17.689.999.759</u></u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	994.542.405
Chi phí công cụ dụng cụ	5.062.394.505
Chi phí khấu hao	2.831.522.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.452.983.911
Chi phí khác bằng tiền	1.848.245.425
<b>Cộng</b>	<b><u><u>12.189.688.976</u></u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.970.168.786
Chi phí công cụ dụng cụ	4.046.582.960
Chi phí khấu hao	2.606.155.014
Thuế, phí lệ phí	109.830.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.060.796
Chi phí khác bằng tiền	1.016.392.286
<b>Cộng</b>	<b><u><u>11.374.190.681</u></u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 7. Thu nhập khác

Lợi thế kinh doanh khi chuyển nhượng hệ thống phân phối	34.200.000.000
Các khoản khác	1.452.948.331
<b>Cộng</b>	<b>35.652.948.331</b>

### 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	35.791.107.392
Thuế suất kinh doanh bất động sản	25%
<i>Thuế thu nhập kinh doanh bất động sản</i>	8.947.776.848
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.361.413.244
Thuế suất kinh doanh hoạt động khác	25%
<i>Thuế thu nhập kinh doanh bất khác</i>	340.353.311
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>9.288.130.159</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin so sánh

Công ty áp dụng thông tư 244/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Quyết định 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006, do đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài được trình bày lại cho phù hợp.

Số liệu đầu kỳ được lấy theo số liệu cuối quý I năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Đất Việt.

Do không đủ thông tin về Báo cáo tài chính Quý II năm trước nên không trình bày số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 2. Thông tin kết quả hoạt động của các bộ phận

#### a. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Tổng doanh thu và thu nhập khác	6.798.514.012
Tổng chi phí phát sinh	5.591.508.206
<b>Lãi (Lỗ)</b>	<b>1.207.005.806</b>

#### b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn

Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.047.272.854
Tổng chi phí phát sinh	3.013.925.076
<b>Lãi (Lỗ)</b>	<b>(966.652.222)</b>

#### c. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo – Khách Sạn Cendeluxe.

Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.774.602.423
Tổng chi phí phát sinh	12.007.265.825
<b>Lãi (Lỗ)</b>	<b>(9.232.663.402)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### 3. Nghiệp vụ các bên liên quan

*Số dư liên quan đến các bên liên quan như sau;*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Phải trả</b>
Bà Võ Thị Thanh	-	117.496.545.258
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	-	9.745.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>127.241.545.258</b>

### 4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kỳ này</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
<b><i>Cơ cấu tài sản</i></b>		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	11,03
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	88,97
<b><i>Cơ cấu nguồn vốn</i></b>		
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	74,92
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	25,08
<b>Khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,33
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,43
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,003
<b>Tỷ suất sinh lời</b>		
<b><i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i></b>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	22,51
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	16,88

TP. Tuy Hòa, ngày 25 tháng 07 năm 2010

**VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

**HUYỀN SỸ CHIẾN**  
Kế toán trưởng